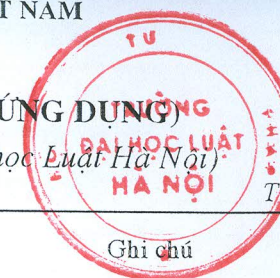


DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3213 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính



Trang 1

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
1	H24.C1 00154	Lê Phương	Anh	15/09/93	Nữ	41.50	18.00	59.50	7.00	8.00	15.00	
2	H24.C1 00198	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	07/02/94	Nữ				8.00	6.00	14.00	
3	H24.C1 00219	Trần Hùng	Cường	03/10/82		55.50	8.00	63.50	7.00	7.50	14.50	
4	H24.C1 00226	Trần Thị Kim	Dung	26/12/90	Nữ	44.00	10.00	54.00	7.00	7.00	14.00	
5	H24.C1 00229	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/10/93	Nữ	67.00	22.00	89.00	7.00	6.50	13.50	
6	H24.C1 00240	Nguyễn Khánh	Dư	20/08/79		52.50	17.00	69.50	7.50	6.00	13.50	
7	H24.C1 00253	Cao Đại	Đoàn	16/07/85		55.50	19.00	74.50	8.00	7.50	15.50	
8	H24.C1 00257	Lê Tuấn	Độ	05/08/93		40.00	19.50	59.50	7.50	5.00	12.50	
9	H24.C1 00276	Nguyễn Thanh	Hà	18/06/92	Nữ				8.00	7.00	15.00	
10	H24.C1 00288	Mai Hoàng	Hải	06/12/94		50.00	19.00	69.00	7.00	6.00	13.00	
11	H24.C1 00293	Trần Thị	Hải	20/11/82	Nữ				7.50	7.00	14.50	
12	H24.C1 00375	Nguyễn Thị Minh	Hường	02/06/89	Nữ				8.00	7.00	15.00	
13	H24.C1 00415	Nguyễn Ngọc	Linh	02/03/80					7.50	9.00	16.50	
14	H24.C1 00416	Nguyễn Thuý	Linh	04/03/91	Nữ	48.50	16.00	64.50	8.00	7.00	15.00	
15	H24.C1 00420	Phạm Mỹ	Linh	01/08/94	Nữ	45.00	14.50	59.50	8.00	6.00	14.00	
16	H24.C1 00429	Hoàng Tuấn	Long	15/10/76		51.00	14.50	65.50	7.00	7.00	14.00	
17	H24.C1 00446	Đỗ Quỳnh	Mai	26/06/91	Nữ	42.00	11.00	53.00	6.00	6.00	12.00	
18	H24.C1 00450	Phạm Ngọc	Mai	11/09/94	Nữ				8.00	8.00	16.00	
19	H24.C1 00491	Trần Thị Việt	Nga	30/03/92	Nữ	40.50	19.00	59.50	7.50	6.00	13.50	
20	H24.C1 00518	Hoàng Thị Lan	Nhi	16/04/93	Nữ				7.50	6.00	13.50	
21	H24.C1 00548	Thiều Khánh	Phương	16/10/94	Nữ				7.00	8.00	15.00	
22	H24.C1 00625	Mai Thị Minh	Thu	17/12/91	Nữ	54.50	18.00	72.50	7.00	6.50	13.50	
23	H24.C1 00641	Trần Thu	Thuý	15/07/81	Nữ	68.50	20.00	88.50	7.50	8.00	15.50	
24	H24.C1 00652	Lê Thị	Trang	17/06/94	Nữ	54.00	14.00	68.00	7.50	7.00	14.50	

20/10/2016

12

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: *3213* /QĐ-ĐHLHN ngày *24* tháng *10* năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính

Trang 2

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
25	H24.C1 00664	Nông Thuỳ	Trang	19/04/93	Nữ	51.50	19.00	80.50	9.00	8.00	17.00	UT
26	H24.C1 00665	Quách Huyền	Trang	29/09/93	Nữ	63.00	25.00	88.00	8.00	6.50	14.50	
27	H24.C1 00667	Trần Thị	Trang	12/12/87	Nữ	55.50	15.50	71.00	6.50	7.50	14.00	

Cộng ngành : 27 thí sinh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3213 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Trang 3

* Ngành Luật dân sự và TTDS

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
1	H24.C1 00150	Đỗ Mai Phương	Anh	29/12/91	Nữ	59.50	20.50	80.00	6.75	6.00	12.75	
2	H24.C1 00153	Lê Thị Vân	Anh	23/01/93	Nữ	36.00	14.00	50.00	7.75	5.50	13.25	
3	H24.C1 00155	Lê Nguyệt	Anh	19/03/92	Nữ	49.00	21.00	70.00	6.00	6.00	12.00	
4	H24.C1 00160	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/06/92	Nữ	41.50	13.00	54.50	7.00	5.25	12.25	
5	H24.C1 00174	Nguyễn Tuấn	Anh	30/06/88		33.00	17.00	50.00	5.25	5.00	10.25	
6	H24.C1 00205	Nguyễn Quốc	Bình	28/10/93		43.00	13.00	56.00	7.75	7.00	14.75	
7	H24.C1 00206	Mã Ngọc	Cẩm	25/12/92	Nữ				8.50	5.00	13.50	UT
8	H24.C1 00210	Nguyễn Ninh	Chi	24/10/91	Nữ	55.50	26.00	81.50	5.50	6.50	12.00	
9	H24.C1 00245	Ngô Thuỳ	Dương	07/12/85	Nữ				5.75	5.25	11.00	
10	H24.C1 00264	Đặng Thị Ngọc	Hà	22/01/90	Nữ	58.00	22.00	80.00	5.00	7.00	12.00	
11	H24.C1 00265	Đỗ Việt	Hà	05/12/93	Nữ	55.00	19.50	74.50	5.50	6.25	11.75	
12	H24.C1 00272	Nguyễn Thị Thu	Hà	29/09/93	Nữ				7.75	7.50	15.25	
13	H24.C1 00291	Trần Thị Thanh	Hải	07/10/94	Nữ	40.50	23.00	63.50	5.75	6.50	12.25	
14	H24.C1 00299	Ngô Thị	Hạnh	24/05/92	Nữ	47.00	14.00	61.00	5.00	5.50	10.50	
15	H24.C1 00301	Nguyễn Thuý	Hạnh	14/11/83	Nữ	59.50	23.00	82.50	5.50	5.00	10.50	
16	H24.C1 00316	Ngô Trung	Hiếu	31/08/94		59.50	9.00	68.50	5.00	5.00	10.00	
17	H24.C1 00321	Phạm Đình	Hiệu	24/08/93		60.50	23.00	83.50	7.50	6.00	13.50	
18	H24.C1 00326	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	12/06/93	Nữ				5.50	5.00	10.50	
19	H24.C1 00333	Lê Việt	Hoà	22/09/93	Nữ	66.00	22.50	88.50	8.25	5.75	14.00	
20	H24.C1 00335	Lê	Hoàng	26/10/78		64.50	25.50	90.00	6.50	6.25	12.75	
21	H24.C1 00340	Trần Thị	Hoà	19/03/93	Nữ	45.00	17.50	62.50	6.25	5.00	11.25	
22	H24.C1 00346	Hoàng Thị	Huệ	28/10/93	Nữ	43.00	14.50	57.50	6.25	6.75	13.00	
23	H24.C1 00360	Vương Khánh	Huy	25/11/88		48.50	19.00	67.50	7.25	6.50	13.75	
24	H24.C1 00365	Hà Thanh	Hương	16/02/93	Nữ				7.00	5.75	12.75	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3213 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật dân sự và TTDS

Trang 4

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
25	H24.C1 00371	Trần Thị Kim	Hương	09/03/88	Nữ	48.50	12.50	61.00	7.50	7.00	14.50	
26	H24.C1 00377	Nguyễn Tuấn	Khang	13/12/94		51.50	19.00	70.50	7.50	5.00	12.50	
27	H24.C1 00379	Nguyễn	Khánh	08/12/94		53.50	18.50	72.00	5.75	6.50	12.25	
28	H24.C1 00386	Lê Thị Mỹ	Lanh	01/09/79	Nữ	48.50	12.00	60.50	6.25	5.25	11.50	
29	H24.C1 00387	Lê Thị Mai	Lan	12/09/94	Nữ				5.50	5.75	11.25	
30	H24.C1 00397	Nguyễn Thị Thuý	Liên	26/04/93	Nữ	44.50	11.50	56.00	5.00	6.50	11.50	
31	H24.C1 00417	Nguyễn Mạnh	Linh	05/03/93		41.50	11.50	53.00	7.50	7.25	14.75	
32	H24.C1 00421	Trần Thị Thuý	Linh	01/07/88	Nữ	51.50	24.00	75.50	7.00	5.00	12.00	
33	H24.C1 00435	Lê Văn	Lợi	26/03/94		37.00	15.00	52.00	6.75	5.50	12.25	
34	H24.C1 00439	Đoàn Thị	Lương	03/08/93	Nữ	39.00	12.00	51.00	6.50	5.25	11.75	
35	H24.C1 00440	Hoàng Ngọc Lưu	Ly	18/09/94	Nữ	60.50	19.00	79.50	6.75	5.25	12.00	
36	H24.C1 00452	Trần Phương	Mai	25/12/92	Nữ	43.50	14.50	58.00	6.75	5.00	11.75	
37	H24.C1 00458	Đinh Trọng	Minh	23/06/93		54.50	17.50	82.00	8.75	6.75	15.50	UT
38	H24.C1 00460	Lê Trọng	Minh	23/11/93		53.00	20.50	73.50	7.00	5.50	12.50	
39	H24.C1 00500	Nguyễn Thị Lệ	Nghĩa	18/04/82	Nữ	38.50	19.00	57.50	5.50	6.75	12.25	
40	H24.C1 00552	Vũ Thị	Phước	02/03/91	Nữ	56.50	19.00	75.50	7.00	5.00	12.00	
41	H24.C1 00559	Mai Thị	Quyên	17/08/91	Nữ	45.50	22.00	67.50	6.25	5.50	11.75	
42	H24.C1 00568	Nguyễn Như	Quỳnh	16/12/94	Nữ	36.00	23.00	59.00	7.25	7.75	15.00	
43	H24.C1 00570	Nguyễn Thuý	Quỳnh	26/01/84		46.50	17.00	63.50	6.25	6.25	12.50	
44	H24.C1 00583	Phạm Thị	Tâm	10/05/84		56.00	15.50	71.50	8.50	5.50	14.00	
45	H24.C1 00601	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/03/94	Nữ	61.00	20.50	81.50	6.00	7.00	13.00	
46	H24.C1 00602	Nguyễn Phương	Thảo	03/09/94	Nữ	61.50	25.00	86.50	8.50	7.00	15.50	
47	H24.C1 00609	Trịnh Thị Thanh	Thảo	02/06/94	Nữ				6.00	6.75	12.75	
48	H24.C1 00651	Đặng Thuý	Trang	11/07/93	Nữ	65.50	12.00	87.50	7.25	6.75	14.00	UT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

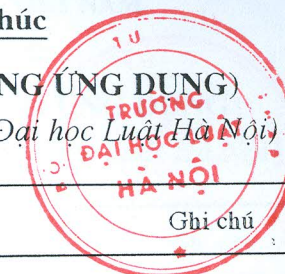
(Kèm theo quyết định số: 3213 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật dân sự và TTDS

Trang 5

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
49	H24.C1 00656	Ngô Thị Thu	Trang	26/08/88	Nữ	47.50	20.00	67.50	6.00	5.25	11.25	
50	H24.C1 00671	Nguyễn Bảo	Trâm	12/07/94	Nữ	52.50	22.00	74.50	6.50	5.00	11.50	
51	H24.C1 00674	Nguyễn Thị Việt	Trinh	11/04/94	Nữ	.	.	.	5.00	5.75	10.75	
52	H24.C1 00675	Trần Thị Tuyết	Trinh	03/07/93	Nữ	52.00	18.50	70.50	5.50	5.00	10.50	
53	H24.C1 00682	Lê Thanh	Tuấn	28/04/82		.	.	.	8.00	7.00	15.00	
54	H24.C1 00685	Trần Quốc	Tuấn	10/10/84		67.00	5.00	82.00	8.75	6.75	15.50	UT
55	H24.C1 00687	Lê Anh	Tuyên	20/09/93		.	.	.	5.75	6.25	12.00	
56	H24.C1 00695	Nguyễn Xuân	Tùng	05/06/93		41.50	15.00	66.50	7.50	5.00	12.50	UT
57	H24.C1 00717	Dương Thị Thanh	Xuân	21/01/94	Nữ	.	.	.	5.25	5.50	10.75	

Cộng ngành : 57 thí sinh



16/11

16/11

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: **3213** /QĐ-ĐHLHN ngày **24** tháng **10** năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật hình sự và TTHS

Trang 6

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
1	H24.C1 00152	Hoàng Nguyễn Bảo	Anh	25/12/93	Nữ	54.50	20.00	74.50	5.00	7.50	12.50	
2	H24.C1 00194	Trần Trọng	An	16/12/86		38.50	7.50	56.00	7.00	6.50	13.50	UT
3	H24.C1 00197	Lưu Ngọc	ánh	16/10/92	Nữ	49.00	18.00	67.00	7.00	7.50	14.50	
4	H24.C1 00241	Bùi Đình Thuý	Dương	25/02/93	Nữ	54.50	24.00	78.50	6.50	7.50	14.00	
5	H24.C1 00258	Lê Minh	Đức	12/10/93		67.50	22.00	89.50	6.00	7.25	13.25	
6	H24.C1 00259	Nguyễn Anh	Đức	15/09/93					6.00	7.00	13.00	UT
7	H24.C1 00260	Phạm Văn	Đức	15/03/87		65.50	13.50	89.00	8.75	6.00	14.75	UT
8	H24.C1 00319	Phan Trung	Hiếu	23/09/93		36.50	18.00	54.50	7.00	7.50	14.50	
9	H24.C1 00334	Đinh Nho	Hoàng	21/02/93		40.00	18.00	58.00	5.50	7.00	12.50	
10	H24.C1 00344	Phạm Minh	Huấn	15/09/89		65.50	20.00	85.50	7.50	7.50	15.00	
11	H24.C1 00362	Nguyễn Văn	Hùng	26/04/91		65.50	11.00	76.50	5.75	7.75	13.50	
12	H24.C1 00382	Phan Đình	Kiên	08/12/90		56.00	20.00	76.00	5.25	8.00	13.25	
13	H24.C1 00433	Nguyễn Tiến	Long	23/03/89		58.50	7.00	65.50	6.50	7.00	13.50	
14	H24.C1 00443	Bế Thị Ngọc	Mai	05/02/88	Nữ	55.00	14.50	79.50	7.50	8.00	15.50	UT
15	H24.C1 00454	Nguyễn Văn	Mạnh	12/10/84		52.50	26.00	78.50	5.50	7.25	12.75	
16	H24.C1 00488	Phạm Thị Thúy	Nga	17/06/91	Nữ	62.00	25.00	87.00	6.00	7.75	13.75	
17	H24.C1 00499	Trần Văn	Nghiêm	18/11/91		49.50	14.50	64.00	5.50	7.25	12.75	
18	H24.C1 00538	Đỗ Hoàng	Phương	12/02/91		39.50	20.50	60.00	5.50	8.00	13.50	
19	H24.C1 00577	Vũ Hoàng	Son	03/03/94		57.50	24.00	81.50	5.00	8.50	13.50	
20	H24.C1 00588	Đỗ Lê	Thanh	29/04/87	Nữ	69.00	12.50	81.50	6.00	6.50	12.50	
21	H24.C1 00595	Đỗ Thu	Thảo	01/12/91	Nữ	52.50	23.00	75.50	6.00	7.00	13.00	
22	H24.C1 00599	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/08/94	Nữ	45.50	18.50	74.00	7.00	6.75	13.75	UT
23	H24.C1 00612	Phạm Mai	Thắm	30/05/90	Nữ	38.50	14.50	53.00	5.50	7.25	12.75	
24	H24.C1 00639	Phạm Thanh	Thuý	15/06/94	Nữ	50.50	17.00	67.50	5.25	7.25	12.50	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3213 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật hình sự và TTHS

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
25	H24.C1 00648	Trương Văn	Tiến	19/10/84		55.00	22.00	77.00	5.00	8.00	13.00	
26	H24.C1 00683	Nguyễn Minh	Tuấn	04/10/87		46.00	17.00	63.00	6.50	6.50	13.00	

Cộng ngành : 26 thí sinh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3113 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Tội phạm học và phòng ngừa TP

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
1	H24.C1 00144	Bùi Thị Lan	Anh	07/09/93	Nữ	41.00	14.00	55.00	7.00	7.00	14.00	
2	H24.C1 00214	Triệu Đức	Chung	03/12/91		52.00	19.00	71.00	5.00	6.75	11.75	Trúng tuyển nguyện vọng 2
3	H24.C1 00238	Quách Tiến	Dũng	09/02/92		47.00	20.00	67.00	5.00	7.25	12.25	
4	H24.C1 00303	Phan Thị Hồng	Hạnh	03/05/92	Nữ	.	.	.	5.00	7.25	12.25	Trúng tuyển nguyện vọng 2
5	H24.C1 00306	Đào Thị	Hằng	05/07/91	Nữ	38.00	15.00	53.00	6.25	7.25	13.50	
6	H24.C1 00308	Lương Thị Vũ	Hằng	22/05/92	Nữ	41.50	23.50	65.00	5.75	6.50	12.25	Trúng tuyển nguyện vọng 2
7	H24.C1 00404	Đinh Thị Diệu	Linh	24/06/92	Nữ	43.50	12.50	56.00	5.00	6.25	11.25	Trúng tuyển nguyện vọng 2
8	H24.C1 00410	Lê Diệu	Linh	02/02/92	Nữ	.	.	.	6.25	7.00	13.25	
9	H24.C1 00430	Nguyễn Đỗ Tuấn	Long	19/12/93		.	.	.	5.00	8.00	13.00	
10	H24.C1 00437	Nguyễn Xuân	Luân	01/05/86		69.00	15.50	84.50	5.00	7.50	12.50	
11	H24.C1 00445	Đào Thị Ngọc	Mai	09/08/92	Nữ	.	.	.	5.00	5.25	10.25	Trúng tuyển nguyện vọng 2
12	H24.C1 00490	Trần Thị Thuý	Nga	26/05/93	Nữ	.	.	.	5.50	5.75	11.25	
13	H24.C1 00506	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	02/05/92	Nữ	44.00	17.00	61.00	5.75	5.75	11.50	Trúng tuyển nguyện vọng 2
14	H24.C1 00509	Nguyễn Bích	Ngọc	28/10/91	Nữ	.	.	.	5.25	6.25	11.50	Trúng tuyển nguyện vọng 2
15	H24.C1 00521	Nguyễn Thị	Nhung	01/08/89	Nữ	45.50	5.00	50.50	5.25	6.75	12.00	
16	H24.C1 00545	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương	26/12/93	Nữ	.	.	.	6.50	7.00	13.50	
17	H24.C1 00556	Nguyễn Hồng	Quân	06/06/94		.	.	.	5.50	5.50	11.00	Trúng tuyển nguyện vọng 2
18	H24.C1 00610	Nguyễn Ngọc	Thập	10/04/94		39.00	13.00	52.00	6.00	5.75	11.75	Trúng tuyển nguyện vọng 2
19	H24.C1 00619	Nguyễn Bảo	Thoa	26/11/89	Nữ	.	.	.	7.25	8.00	15.25	
20	H24.C1 00638	Phạm Thu	Thuý	13/02/93	Nữ	60.50	8.00	68.50	5.00	7.00	12.00	Trúng tuyển nguyện vọng 2
21	H24.C1 00699	Nguyễn Thị	Tươi	17/09/92	Nữ	43.50	12.50	56.00	5.00	7.75	12.75	

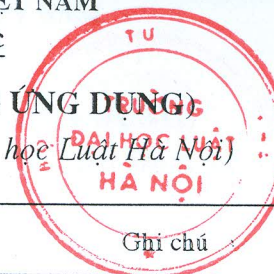
Cộng ngành : 21 thí sinh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3213/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật kinh tế



Trang 9

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
1	H24.C1 00157	Ngô Vũ Chung	Anh	05/03/94	Nữ	.	.	.	5.00	5.00	10.00	
2	H24.C1 00159	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	25/05/90	Nữ	.	.	.	6.50	6.00	12.50	
3	H24.C1 00167	Nguyễn Kim	Anh	14/10/94	Nữ	64.50	23.00	87.50	6.00	7.00	13.00	
4	H24.C1 00168	Nguyễn Hoài	Anh	14/12/94		.	.	.	6.50	8.00	14.50	
5	H24.C1 00169	Nguyễn Tuấn	Anh	16/07/94		63.00	26.00	89.00	6.25	6.00	12.25	
6	H24.C1 00172	Nguyễn Mai	Anh	28/03/94	Nữ	60.50	20.50	81.00	5.50	6.00	11.50	
7	H24.C1 00173	Nguyễn Mai	Anh	28/06/91	Nữ	56.00	17.00	73.00	6.25	7.50	13.75	
8	H24.C1 00176	Phạm Thị Vân	Anh	17/10/94	Nữ	.	.	.	7.50	7.50	15.00	
9	H24.C1 00178	Phạm Tú	Anh	04/01/92	Nữ	52.50	26.00	78.50	5.25	7.50	12.75	
10	H24.C1 00185	Trần Quang	Anh	15/09/94		45.50	10.50	56.00	7.50	6.00	13.50	
11	H24.C1 00186	Trần Ngọc	Anh	25/03/94	Nữ	70.00	26.00	96.00	8.00	8.00	16.00	
12	H24.C1 00187	Trần Phương	Anh	30/01/85	Nữ	.	.	.	6.00	6.00	12.00	
13	H24.C1 00195	Vũ Bình	An	07/07/94		.	.	.	7.00	8.00	15.00	
14	H24.C1 00211	Nguyễn Phương	Chinh	07/04/94	Nữ	46.50	19.00	65.50	7.00	5.50	12.50	
15	H24.C1 00217	Hoàng Mạnh	Cường	04/12/94		55.50	22.50	78.00	6.75	7.00	13.75	
16	H24.C1 00220	Dương Bích	Diệp	23/09/93	Nữ	43.50	16.50	60.00	5.75	6.25	12.00	
17	H24.C1 00230	Vũ Thị Mỹ	Duyên	27/04/94	Nữ	.	.	.	7.50	7.00	14.50	
18	H24.C1 00231	Vũ Hải	Duyên	13/08/94	Nữ	40.50	13.00	53.50	6.25	6.50	12.75	
19	H24.C1 00255	Nguyễn Đức	Đông	28/01/79		.	.	.	8.00	8.00	16.00	
20	H24.C1 00256	Phạm Minh	Đông	07/08/77		67.00	19.00	86.00	8.00	8.00	16.00	
21	H24.C1 00275	Nguyễn Ngọc	Hà	01/10/94	Nữ	.	.	.	7.50	7.50	15.00	
22	H24.C1 00277	Nguyễn Thu	Hà	18/08/94	Nữ	59.50	25.00	84.50	6.00	7.00	13.00	
23	H24.C1 00278	Nguyễn Minh	Hà	27/12/94	Nữ	61.50	25.00	86.50	8.25	8.00	16.25	
24	H24.C1 00282	Trần Thu	Hà	01/05/94	Nữ	43.50	21.50	65.00	6.00	6.50	12.50	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3213 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật kinh tế

Trang 10

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
					N+Đ	Viết	TH				
25	H24.C1 00284	Vũ Thị Hằng Hà	04/07/94	Nữ				7.00	5.00	12.00	
26	H24.C1 00285	Vũ Duy Hà	26/12/93		49.50	22.00	71.50	7.00	5.50	12.50	
27	H24.C1 00292	Trần Mạnh Hải	12/04/79		63.00	21.50	84.50	5.00	6.00	11.00	
28	H24.C1 00295	Vũ Hồng Hải	14/05/94		68.50	24.00	92.50	6.25	6.25	12.50	
29	H24.C1 00311	Tạ Thị Thanh Hằng	19/02/92	Nữ				8.50	8.00	16.50	
30	H24.C1 00312	Vũ Thị Thu Hằng	24/07/94	Nữ	48.50	21.00	69.50	6.50	7.00	13.50	
31	H24.C1 00317	Nguyễn Bình Hiếu	20/05/93					7.25	7.00	14.25	
32	H24.C1 00320	Phạm Trung Hiếu	08/02/82		50.00	17.00	67.00	7.75	5.50	13.25	
33	H24.C1 00328	Nguyễn Quỳnh Hoa	23/07/94	Nữ	64.00	22.50	86.50	7.25	6.00	13.25	
34	H24.C1 00329	Phùng Thị Hoa	24/01/93	Nữ	41.00	20.50	61.50	6.00	6.00	12.00	
35	H24.C1 00332	Nguyễn Bá Hoài	22/10/90		44.50	19.00	63.50	7.00	6.50	13.50	
36	H24.C1 00336	Nghiêm Tuấn Hoàng	18/07/94		53.50	20.00	73.50	5.00	5.00	10.00	
37	H24.C1 00341	Hoàng Thu Hòa	28/11/94	Nữ	37.50	20.00	57.50	5.00	6.50	11.50	
38	H24.C1 00348	Đỗ Đức Huy	27/06/94		45.50	20.50	66.00	8.00	8.00	16.00	
39	H24.C1 00349	Sầm Thị Huyền	10/10/93	Nữ				5.00	7.00	12.00	UT
40	H24.C1 00357	Trần Thị Huyền	29/07/94	Nữ	44.00	16.00	70.00	6.25	6.00	12.25	UT
41	H24.C1 00366	Nguyễn Thị Lan Hương	22/12/94	Nữ				5.00	6.00	11.00	
42	H24.C1 00367	Nguyễn Thị Lan Hương	22/01/94	Nữ				6.50	8.00	14.50	
43	H24.C1 00368	Nguyễn Thanh Hương	10/09/94	Nữ	49.00	15.50	64.50	8.00	7.00	15.00	
44	H24.C1 00372	Trịnh Thị Mai Hương	15/04/92	Nữ	37.50	20.00	57.50	7.50	6.50	14.00	
45	H24.C1 00389	Lý Thị Phương Lan	05/11/94	Nữ	39.00	13.00	62.00	8.00	7.00	15.00	UT
46	H24.C1 00395	Nguyễn Thị Nhật Lệ	05/10/92	Nữ	63.50	15.50	79.00	8.00	7.00	15.00	
47	H24.C1 00402	Vũ Thị Liên	09/06/91	Nữ	38.00	13.00	51.00	7.00	8.00	15.00	
48	H24.C1 00406	Hoàng Thùy Linh	05/03/94	Nữ				6.75	8.00	14.75	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 32/13 IQĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật kinh tế

Trang 11

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
49	H24.C1 00407	Hoàng Mỹ	Linh	09/12/94	Nữ	.	.	.	8.00	8.00	16.00	
50	H24.C1 00408	Hồ Thị Thùy	Linh	04/11/94	Nữ	46.50	14.00	60.50	7.50	7.50	15.00	
51	H24.C1 00418	Nguyễn Diệu	Linh	14/12/94	Nữ	53.00	23.00	76.00	5.00	7.00	12.00	
52	H24.C1 00423	Nguyễn Văn	Linh	12/08/88		67.00	9.50	76.50	7.00	8.00	15.00	
53	H24.C1 00451	Quách Thị	Mai	15/01/94	Nữ	47.00	6.00	53.00	6.75	6.25	13.00	
54	H24.C1 00453	Trần Thanh	Mai	31/10/91	Nữ	54.00	24.00	78.00	6.50	8.00	14.50	
55	H24.C1 00455	Nguyễn Tiến	Mạnh	20/11/89		67.00	14.00	81.00	6.00	5.50	11.50	
56	H24.C1 00456	Nguyễn Thị	Mận	24/12/91	Nữ	37.00	17.50	54.50	5.75	7.00	12.75	
57	H24.C1 00459	Hoàng Thị Thu	Minh	10/12/90	Nữ	67.00	20.50	87.50	7.50	7.00	14.50	
58	H24.C1 00465	Hoàng Diệu	My	24/11/94	Nữ	39.00	16.00	55.00	7.00	6.00	13.00	
59	H24.C1 00480	Nguyễn Thị Hồng	Nga	08/06/84	Nữ	43.50	16.50	60.00	6.50	5.50	12.00	
60	H24.C1 00486	Nguyễn Thị	Nga	20/07/94	Nữ	45.50	9.00	54.50	7.00	6.50	13.50	
61	H24.C1 00493	Bùi Thuý	Ngân	29/07/86	Nữ	38.00	16.00	54.00	7.50	8.00	15.50	
62	H24.C1 00494	Dương Thị Kim	Ngân	26/05/94	Nữ	.	.	.	8.50	8.00	16.50	UT
63	H24.C1 00496	Đinh Thị	Ngân	21/11/92	Nữ	55.00	17.00	72.00	7.50	6.00	13.50	
64	H24.C1 00497	Nguyễn Thị Kim	Ngân	08/10/94	Nữ	.	.	.	8.00	6.50	14.50	
65	H24.C1 00502	Đào Thị Hồng	Ngọc	24/06/93	Nữ	50.00	18.00	68.00	6.25	6.50	12.75	
66	H24.C1 00503	Đào Hồng	Ngọc	21/08/93	Nữ	56.50	19.50	76.00	6.50	8.00	14.50	
67	H24.C1 00504	Hoàng Thị	Ngọc	08/08/93	Nữ	55.00	18.50	73.50	7.75	8.00	15.75	
68	H24.C1 00508	Nguyễn Tiến	Ngọc	23/12/89		61.50	20.50	82.00	7.00	7.25	14.25	
69	H24.C1 00510	Trần Thị Bích	Ngọc	15/05/91	Nữ	55.00	17.00	72.00	6.50	6.00	12.50	
70	H24.C1 00513	Cổ Thảo	Nguyễn	08/04/94	Nữ	50.50	17.50	68.00	6.50	5.50	12.00	
71	H24.C1 00516	Nguyễn Thị	Nhàn	20/10/91	Nữ	.	.	.	8.25	6.50	14.75	
72	H24.C1 00520	Đỗ Hồng	Nhung	08/07/94	Nữ	47.50	7.00	54.50	6.00	6.00	12.00	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3213/QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật kinh tế

Trang 12

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Chú chú
						N+Đ	Viết	TH				
73	H24.C1 00523	Nguyễn Thị	Nhung	11/07/94	Nữ	56.50	15.00	71.50	6.00	6.00	12.00	
74	H24.C1 00527	Vũ Thị	Nhung	12/05/91	Nữ	52.50	16.50	69.00	7.00	6.00	13.00	
75	H24.C1 00537	Nguyễn Thị	Phúc	20/02/80	Nữ	46.00	21.00	67.00	7.50	8.00	15.50	
76	H24.C1 00542	Nguyễn Quỳnh	Phương	24/12/94	Nữ	47.00	14.50	61.50	7.75	7.75	15.50	
77	H24.C1 00549	Tống Linh	Phương	28/08/94	Nữ	64.00	28.00	92.00	6.00	7.00	13.00	
78	H24.C1 00557	Trần Minh	Quân	08/10/94					7.50	6.00	13.50	
79	H24.C1 00563	Lê Thị	Quý	05/04/92	Nữ				6.50	7.00	13.50	
80	H24.C1 00566	Hoàng Thị ái	Quỳnh	05/10/93	Nữ				5.25	5.50	10.75	
81	H24.C1 00567	Nguyễn Trúc	Quỳnh	08/07/94	Nữ	55.00	22.00	77.00	6.25	6.50	12.75	
82	H24.C1 00569	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/06/94	Nữ	50.50	17.50	68.00	5.50	7.00	12.50	
83	H24.C1 00571	Phùng Thị	Sao	20/10/90	Nữ	44.00	18.00	62.00	5.00	6.00	11.00	
84	H24.C1 00585	Nguyễn Thị Nhật	Tân	07/11/94	Nữ	43.00	5.00	58.00	6.50	5.50	12.00	UT
85	H24.C1 00592	Lê Công	Thành	04/10/85		52.00	14.00	66.00	6.00	6.00	12.00	
86	H24.C1 00596	Đỗ Phương	Thảo	18/01/92	Nữ	45.50	11.50	57.00	6.25	7.00	13.25	
87	H24.C1 00598	Lý Thị	Thảo	11/06/90	Nữ	27.50	17.00	54.50	8.50	8.00	16.50	UT
88	H24.C1 00603	Nguyễn Thu	Thảo	27/01/94	Nữ	59.50	24.00	83.50	7.25	7.50	14.75	
89	H24.C1 00605	Phùng Thị Phương	Thảo	11/11/94	Nữ	64.50	9.00	73.50	6.75	8.00	14.75	
90	H24.C1 00629	Nguyễn Hoài	Thu	26/09/92	Nữ	43.00	18.50	61.50	7.00	8.00	15.00	
91	H24.C1 00631	Lê Thị Hồng	Thúy	01/08/93	Nữ	42.50	16.00	58.50	5.00	5.50	10.50	
92	H24.C1 00632	Nguyễn Thị Minh	Thúy	14/11/93	Nữ	43.50	15.00	58.50	7.75	8.00	15.75	
93	H24.C1 00642	Phạm Thị	Thúy	03/12/94	Nữ	49.50	12.00	61.50	7.00	6.50	13.50	
94	H24.C1 00644	Hà Thiên	Thư	20/04/92	Nữ				6.00	6.50	12.50	UT
95	H24.C1 00653	Lý Thị Huyền	Trang	13/10/88	Nữ	43.50	21.50	65.00	7.00	5.50	12.50	
96	H24.C1 00662	Nguyễn Thị Linh	Trang	19/11/94	Nữ	55.00	19.50	74.50	8.00	8.00	16.00	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3213 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật kinh tế

Trang 13

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
97	H24.C1 00668	Trần Thu	Trang	16/12/94	Nữ	51.50	22.50	74.00	7.00	6.00	13.00	
98	H24.C1 00669	Trần Quỳnh	Trang	24/10/94	Nữ	56.00	19.00	75.00	7.25	7.25	14.50	
99	H24.C1 00678	Nguyễn Minh	Trường	15/10/93		59.50	21.00	80.50	6.50	6.00	12.50	
100	H24.C1 00698	Trần Thị Thanh	Tùng	23/07/75	Nữ	.	.	.	5.00	7.00	12.00	
101	H24.C1 00701	Nguyễn Thị	Vân	12/08/93	Nữ	.	.	.	6.00	5.00	11.00	
102	H24.C1 00703	Trần Bích	Vân	07/09/93	Nữ	38.50	19.00	57.50	7.75	8.00	15.75	
103	H24.C1 00720	Hoàng Thị Hải	Yến	14/08/94	Nữ	42.50	21.00	63.50	7.50	8.50	16.00	

Cộng ngành : 103 thí sinh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016(ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3243 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật quốc tế

Trang 14

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	TH				
1	H24.C1 00148	Đào Thị Lâm	Anh	08/02/93	Nữ	64.50	26.50	91.00	7.00	6.50	13.50	
2	H24.C1 00151	Hà Kiều	Anh	22/08/94	Nữ	.	.	.	7.50	5.50	13.00	
3	H24.C1 00158	Ngô Mai	Anh	21/10/91	Nữ	56.50	24.50	81.00	7.00	6.00	13.00	
4	H24.C1 00166	Nguyễn Quỳnh	Anh	08/11/94	Nữ	65.50	24.00	89.50	7.00	6.75	13.75	
5	H24.C1 00184	Trần Thị Ngọc	Anh	23/04/94	Nữ	52.00	19.00	71.00	6.50	5.50	12.00	
6	H24.C1 00209	Nam Phương	Chi	22/02/91	Nữ	.	.	.	7.00	5.00	12.00	
7	H24.C1 00218	Nguyễn Việt	Cường	24/02/79		54.50	16.00	70.50	8.00	6.50	14.50	
8	H24.C1 00246	Nguyễn Thị Thuý	Dương	13/02/94	Nữ	62.00	26.00	88.00	7.50	5.50	13.00	
9	H24.C1 00274	Nguyễn Hải	Hà	01/10/93	Nữ	61.00	22.50	83.50	7.50	7.50	15.00	
10	H24.C1 00280	Phạm Thị Thu	Hà	24/03/93	Nữ	58.50	21.00	79.50	6.00	5.00	11.00	
11	H24.C1 00297	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	28/11/76	Nữ	.	.	.	7.00	5.75	12.75	
12	H24.C1 00310	Phùng Thị Thu	Hằng	03/12/94	Nữ	68.50	26.00	94.50	6.50	6.00	12.50	
13	H24.C1 00313	Nguyễn Thư	Hiên	09/03/91	Nữ	65.00	23.00	88.00	7.00	6.00	13.00	
14	H24.C1 00347	Bùi Quang	Huy	13/03/87		47.00	17.00	64.00	7.00	6.50	13.50	
15	H24.C1 00363	Nguyễn Tiến	Hưng	21/07/92		.	.	.	6.50	6.00	12.50	
16	H24.C1 00378	Chu Văn	Khanh	18/02/77		49.00	20.50	69.50	7.50	7.00	14.50	
17	H24.C1 00414	Nguyễn Thị Thuý	Linh	23/08/93	Nữ	64.00	24.00	88.00	7.00	5.50	12.50	
18	H24.C1 00422	Trần Kiều	Linh	28/09/94	Nữ	.	.	.	6.00	5.00	11.00	
19	H24.C1 00475	Nguyễn Hải	Nam	22/12/94		48.50	19.00	67.50	7.50	6.00	13.50	
20	H24.C1 00485	Nguyễn Hằng	Nga	16/10/93	Nữ	57.00	24.00	81.00	7.00	5.00	12.00	
21	H24.C1 00511	Trần Anh	Ngọc	10/01/94	Nữ	53.00	19.00	72.00	6.75	7.00	13.75	
22	H24.C1 00555	Hồ Mạnh	Quân	02/01/92		43.50	13.50	57.00	8.00	5.00	13.00	
23	H24.C1 00565	Đàm Thuý	Quỳnh	20/01/93	Nữ	65.50	23.50	89.00	5.00	5.50	10.50	
24	H24.C1 00633	Trần Ngọc	Thuý	15/10/91	Nữ	41.00	11.00	52.00	6.00	5.75	11.75	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 24 NĂM 2016 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 3213 /QĐ-ĐHLHN ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Luật quốc tế

Trang 15

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
					N+Đ	Viết	TH				
25	H24.C1 00688	Hà Mạnh Tú	11/09/93		.	.	.	8.00	5.00	13.00	UT
26	H24.C1 00704	Trần Khánh Vân	07/11/88	Nữ	.	.	.	6.50	5.50	12.00	

Cộng ngành : 26 thí sinh

TỔNG SỐ THÍ SINH TRÚNG TUYỂN : 260 THÍ SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC LUẬT
HÀ NỘI

TS. Lê Tiến Chân